

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN H  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2020/KDTM-ST

Ngày: 20/08/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Xuân Thủy**

Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Đinh Thiện Tụy**

**2/Bà Phạm Thị Bích Hợp**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Đỗ Xuân Trường** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên Tòa: **Bà Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên

Ngày 20/08/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại, thụ lý số 21/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 06 năm 2019 vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020 ngày 07 tháng 07 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020 ngày 23 tháng 07 năm 2020.

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Trụ sở: Số 2 đường LH, phường T, quận B, TP.H.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng A - Chi nhánh H II.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình A - Giám đốc

Người đại diện ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị H (*Có mặt*)

Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn HS**

Trụ sở: Số 66 ngõ 82 đường V, phường TN, quận H, H.

Đại diện pháp luật: Ông Phạm Đức C (*Vắng mặt*)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

**Ông Phạm Đức C và Bà Nguyễn Thị Tuyết M** (*Vắng mặt*)

Cùng trú tại: Số 66 ngõ 82 đường V, phường TN, quận H, H.

**Bà Nguyễn Thị V, cháu Nguyễn Hưng T, cháu Nguyễn Phạm KV** (do bà Nguyễn Thị V là giám hộ) (*Vắng mặt*)

Cùng trú tại: Số 62 ngõ Q 1, đường Đ, phường HB, quận Đ, H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, tại phiên tòa, Nguyên đơn - Đại diện Ngân hàng A - bà Nguyễn Thị H trình bày:

### 1. Quá trình cấp tín dụng:

Ngày 17/04/2018, Ngân hàng A Chi nhánh H II và Công ty TNHH HS ký hợp đồng tín dụng số 1505LAV201400xxx, Nội dung chi tiết như sau:

-Ngân hàng A Chi nhánh H II cấp cho Công ty TNHH HS hạn mức tín dụng 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng). Số tiền đã được giải ngân 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng). Cụ thể:

+Lần 1: Giải ngân 2.000.000.000 đồng vào ngày 24/04/2018

+Lần 2: Giải ngân 7.000.000.000 đồng vào ngày 28/04/2018

- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh 2018-2019: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh các loại than đá, than non, than bùn, than cốc; kinh doanh máy móc, thiết bị và vật tư hóa chất.

-Thời hạn vay: Tối đa 6 tháng theo từng giấy nhận nợ.

-Ngân hàng Ngân hàng A chi nhánh H II ký phụ lục hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/PLHD1505LAV201800xxx ngày 24/04/2018 và số 02/PLHD1505LAC20180xxx ngày 26/04/2018 với Công ty TNHH HS thêm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Công ty TNHH HS đã trả 312.602.740 đồng. Trong đó:

+Gốc:0 đồng

+Lãi: 321.602.740 đồng.

-Dư nợ còn lại tính đến ngày 20/08/2020 là 10,735,164,384 đồng (mười tỷ, bảy trăm ba năm triệu, một trăm sáu tư nghìn, ba trăm tám tư đồng). Trong đó:

+Nợ gốc: 9.000.000.000 đồng.

+Nợ lãi trong hạn: 1.456.643.836 đồng.

+Nợ lãi quá hạn: 278.520.548 đồng.

### 2. Biện pháp bảo đảm:

2.1. Tài sản bảo đảm thứ nhất: Ngày 24/04/2018, Bên nhận thế chấp là Ngân hàng A Chi nhánh H II; Bên thế chấp là ông Phạm Đức C, bà Nguyễn Thị Tuyết M ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH HS số hợp đồng thế chấp số CA888xxx/HĐTC, số công chứng: xxx/Q2.2/2018, quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD.

Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể như sau:

+Thửa đất số: xxx, tờ bản đồ số: xxxx

Địa chỉ: Số 62 ngõ Q 1, đường Đ, phường HB, quận Đ, H.

+ Diện tích: 71,3 m<sup>2</sup>,

+ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

+ Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị

+ Thời hạn sử dụng: Lâu dài

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Giấy tờ chứng minh: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 888xxx, sổ vào sổ cấp GCN:CS xxx do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H ký ngày 28/07/2016.

- Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai TP.H ngày 24/04/2018.

- Giá trị tài sản đảm bảo: 9.471.493.130 đồng. Nghĩa vụ được bảo đảm: 7.000.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ hai:

Ngày 24/04/2018, Bên nhận thế chấp là Ngân hàng A Chi nhánh H II; Bên thế chấp là ông Phạm Đức C, bà Nguyễn Thị Tuyết M ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH HS số hợp đồng thế chấp số BDD486xxx/HĐTC, số công chứng: xxxx/Q2.2/2018, quyển số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD.

Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể như sau:

+ Thửa đất số: xxxx, tờ bản đồ số xxxx

+ Địa chỉ: Tổ 37, phường NT, quận LB, Tp.H.

+ Diện tích: 108,0 m<sup>2</sup>

+ Hình thức sử dụng: riêng: 108,0 m<sup>2</sup>; chung: 0 m<sup>2</sup>

+ Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị

+ Thời hạn sử dụng: Lâu dài

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Giấy tờ chứng minh: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BDD486xxx, sổ vào sổ cấp GCN: CS 18xxxx do Ủy ban nhân dân quận Long Biên ký ngày 01/03/2011.

- Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai H
- Chi nhánh quận LB ngày 24/04/2018.
- Giá trị tài sản đảm bảo: 2.721.924.000 đồng. Nghĩa vụ được bảo đảm: Số tiền gốc: 2.000.000.000 đồng và lãi.

### 3. Việc vi phạm nghĩa vụ:

Khách hàng vi phạm nghĩa vụ từ ngày 26/10/2018. Tính đến hết ngày 20/08/2020 tổng nợ của Công ty TNHH HS tạm tính tại Ngân hàng A Chi nhánh H II là 10,735,164,384 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 9.000.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 1.456.643.836 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 278.520.548 đồng

Ngân hàng A Chi nhánh H II đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty TNHH HS thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 1505LAV201400173 ký ngày 24/04/2018 giữa Ngân hàng A Chi nhánh H II và Công ty TNHH HS, yêu cầu ông Phạm Đức C và bà Nguyễn Thị Tuyết M thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng số công chứng 00xxxx/Q2.2/2018, quyển số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng THL và hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 00xxx/Q2.2/2018, quyển số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại văn phòng Công chứng THL. Tuy nhiên, tính đến nay, Công ty TNHH HS vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng A, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng A.

### 4. Yêu cầu:

Căn cứ các nội dung nêu trên, Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A Chi nhánh H II yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

Tuyên buộc Công ty TNHH HS phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 20/08/2020 là: 10.735.164.384 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 9.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.456.643.836 đồng; Nợ lãi quá hạn: 278.520.548 đồng. Và toàn bộ nợ lãi tiếp tục phát sinh sau ngày 20/08/2020.

Tuyên buộc Công ty TNHH HS phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1505LAV201400xxx ký ngày 24/04/2018 giữa Ngân hàng A Chi nhánh H II và Công ty TNHH HS, kể từ ngày

tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Hợp đồng tín dụng số 1505LAV20140xxxx ký ngày 24/04/2018 giữa Ngân hàng A Chi nhánh H II và Công ty TNHH HS trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A.

Tuyên nếu Công ty TNHH HS không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A thông qua chi nhánh H II có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH HS theo Hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng số công chứng 0xxxx/Q2.2/2018, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng THL và hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 00xxx/Q2.2/2018, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại văn phòng Công chứng THL để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Công ty TNHH HS có nghĩa vụ tiếp tục trả toàn bộ số nợ còn lại. Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A chi nhánh H II có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH HS để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản tự khai ngày 18/03/2019 đại diện bị đơn - Công ty TNHH HS - ông Phạm Đức C trình bày:* Ngày 17/04/2018 công ty chúng tôi có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A chi nhánh H II vay số tiền tổng số là 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng) thời hạn 6 tháng. Từ tháng 10/2018 do tình hình kinh doanh khó khăn, việc thu hồi công nợ của một số khách hàng của công ty chúng tôi chưa thực hiện được cho nên việc thanh toán cho Ngân hàng bị chậm.

Công ty chúng tôi đã thỏa thuận với Ngân hàng như sau:

Đợt thứ nhất: ngày 18/04/2019 trả số tiền 4.500.000.000 đồng và 100% số tiền lãi đến ngày 29/01/2019 ba gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Đợt thứ hai: ngày 18/05/2019 trả số tiền gốc còn lại số tiền là 4.500.000.000 đồng.

Đề nghị phía ngân hàng hỗ trợ giảm lãi xuống bằng 0% cho chúng tôi tính từ 30/01/2019 đến 18/05/2019. Nay phía công ty chúng tôi và phía ngân hàng đã có thỏa thuận như trên, kính đề nghị xem xét giải quyết. Trong trường hợp Ngân hàng không đồng ý, tôi đề xuất trong tháng 9/2020 thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng. Các tháng tiếp theo mỗi tháng thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng cho tới khi tất toán khoản vay.

*Tại bản tự khai ngày 16/11/2019 - Bà Nguyễn Thị Tuyết M - người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Về việc liên quan đến vụ án về hợp đồng tín dụng giữa Công ty HS do chồng tôi là Phạm Đức C là đại diện theo pháp luật và tôi cũng là thành viên trong công ty nhưng tôi cũng không nắm được mọi việc

vay nợ Ngân hàng là do anh C đứng ra làm thủ tục để công ty kinh doanh. Tôi chỉ ký các hợp đồng thế chấp tài sản gồm các tài sản sau:

- Nhà tại Số 62 ngõ Q 1, đường Đ, phường HB, quận Đ, TP.H. trước đây đứng tên bà Nguyễn Thị V. Sau đó, nhà này được sang cho vợ chồng tôi. Nhà này hiện này bà V đang ở cùng 2 cháu nội là con của em anh C là Nguyễn Hưng T, sinh năm 2001; Nguyễn Phạm KV, sinh năm 2008.

- Nhà ở ngõ 405 đường NT, phường NT, quận LB, TP.H. Diện tích đất 108 m2. Trên đất không có nhà hay vật kiến trúc gì, phần đất này để không, không có ai quản lý sử dụng. Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng tôi.

- Nay Ngân hàng A tranh chấp Hợp đồng tín dụng với Công ty HS quan điểm của tôi đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để Công ty thu xếp tiền trả nợ Ngân hàng.

- Về tài sản thế chấp, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản ở ngõ Q 1 là tài sản của gia đình chồng tôi nên đề nghị Tòa án hỏi ý kiến bà V.

*Tại biên bản làm việc ngày 08/01/2020 với đồng chí cảnh sát khu vực Đặng Ngọc T- Công an phường HB trình bày:*

Anh Tuấn cho biết tại địa chỉ Số 62 ngõ Q 1, đường Đ, phường HB, quận Đ, H. có bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1944; cháu Nguyễn Hưng T, sinh năm 2001; cháu Nguyễn Phạm KV, sinh năm 2008 hiện đang sinh sống tại địa chỉ trên. Bố và mẹ của hai cháu Thịnh và Vy đã ly hôn, hiện bố và mẹ hai cháu đang cải tạo.

*Tại các biên bản làm việc ngày bà Nguyễn Thị V, cháu Phạm Hưng T, cháu Nguyễn Phạm KV (bà Nguyễn Thị V là giám hộ) có ý kiến như sau:*

Ngôi nhà Số 62 ngõ Q 1, đường Đ, phường HB, quận Đ, H là sở hữu của tôi, do con trai Phạm Đức C mượn và sang tên sổ đỏ. Việc anh C đem nhà đất trên đi thế chấp cho Ngân hàng, tôi không biết. Hiện tại có tôi, anh Phạm Quốc H, cháu Phạm Hưng T, Nguyễn Phạm KV đăng ký hộ khẩu thường trú ở đây. Anh Phạm Quốc H đi trại cải tạo được 2 năm, bao giờ anh ý về tôi không biết. Cháu Phạm Hưng T là con của anh Phạm Quốc H và chị Vũ Thuận H, hiện bố mẹ cháu đã ly hôn, chị H ở đâu tôi không biết. Cháu Nguyễn Phạm KV là con của anh Phạm Quốc H và chị Nguyễn Kim N, hiện chị N cũng đã đi trại cải tạo được mấy năm nay, chị N ở đâu tôi không rõ.

Nay có việc tranh chấp tín dụng giữa Ngân hàng Ngân hàng A và Công ty HS, quan điểm của tôi như sau:

- Việc vay nợ là của con tôi, đề nghị Tòa án gặp con tôi để giải quyết.

- Nhà 62 ngõ Q I là của tôi nên tôi cứ ở.
- Tôi và các cháu có nhận được giấy của Tòa án, nhưng vì tuổi cao sức yếu và cháu T bận công việc, tôi và các cháu xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đối với Công ty TNHH HS có trụ sở tại tầng 4, số 631 đường K, phường VT, quận H, TP.H. Nay trụ sở hoạt động chuyển tại số 66 ngõ 84 đường V, phường TN, Q.H, H. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H.

[2]: Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bị đơn – Công ty TNHH HS, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Phạm Đức C, chị Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị V, cháu Nguyễn Hưng T, cháu Nguyễn Phạm KV đã được tổng đạt, niêm yết hợp lên. Anh Phạm Đức C, chị Nguyễn Thị Tuyết M sau khi nhận thông báo thụ lý đã đến Tòa án làm việc, nhưng sau đó vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ. Bà Nguyễn Thị V, cháu Nguyễn Hưng T, Nguyễn Phạm KV không nhận bất cứ văn bản, thông báo của Tòa án; Tòa án đã đến làm việc và ghi ý kiến về việc không nhận văn bản của bà có chứng kiến của Tổ trưởng tổ dân phố.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã được niêm yết hợp lệ.

Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]: Về nội dung hiệu lực hợp đồng tín dụng:

Ngày 14/04/2018, Ngân hàng A - Chi nhánh H II và Công ty TNHH HS ký kết hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số 1505-LAV-20180xxx và phụ lục hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/PLHD1505LAV20180xxxx; phụ lục hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 02/PLHD1505LAV20180xxx gồm các nội dung chủ yếu sau: gồm các nội dung: hạn mức tín dụng 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh 2018-2019: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh các

loại than đá, than non, than bùn, than cốc; kinh doanh máy móc, thiết bị và vật tư hóa chất. Thời hạn vay: Tối đa 6 tháng theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 8,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, áp dụng lãi suất biến đổi theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ. Ngân hàng được từ động điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào ngày đầu tiên mỗi quý theo mức lãi suất cho vay tương ứng, lãi suất điều chỉnh căn cứ vào biểu lãi suất tiền vay được niêm yết công khai tại Trụ sở của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh, việc điều chỉnh lãi suất được áp dụng đối với toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng còn lại đến ngày cuối cùng của quý trước liền kề. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 120% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét hợp tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14,16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng A - Chi nhánh H II đã giải ngân cho Công ty TNHH HS thông qua 02 Giấy nhận nợ, bao gồm: Giấy nhận nợ số 1505-LDS-2018xxx ngày 24/04/2018 số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng); Giấy nhận nợ số 1505-LDS-2018xxx ngày 26/04/2018 số tiền 7.000.000.000 (bảy tỷ đồng). Các khế ước nhận nợ có thời hạn vay là 6 tháng; mục đích sử dụng là thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng số xxx/TL-HNST/2018 ngày 18/04/2018; lãi suất cho vay là 8,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 120% cho lãi suất vay trong hạn tại thời điểm quá hạn. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng theo đúng thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH HS đã trả được 0 đồng tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi đã trả 321.602.740 đồng (tạm tính đến ngày 20/08/2020) gồm Giấy nhận nợ số 1505-LDS-20180xxxx là 72.191.779 đồng, Giấy nhận nợ số 1505-LDS-20180xxxx là 249.410.961 đồng. Tổng số tiền gốc chưa trả là: 9.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 1.456.643.836 đồng; lãi quá hạn 278.520.548 đồng (lãi tạm tính đến ngày 20/08/2020). Nay Ngân hàng A yêu cầu Công ty TNHH HS trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 20/08/2020 là 9.000.000.000, Công ty TNHH HS xác nhận chưa trả số nợ gốc theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A, buộc Công ty TNHH HS phải trả Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 9.000.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH HS đã trả được tổng số tiền nợ lãi đã trả 321.602.740 đồng (tạm tính đến ngày 20/08/2020) gồm Giấy nhận nợ số 1505-LDS-20180xxx là 72.191.779 đồng, Giấy nhận nợ số 1505-LDS-2018xxxx là 249.410.961 đồng. Tổng số tiền



lãi chưa trả là 1.735.164.384 đồng, trong đó lãi trong hạn: 1.456.643.836 đồng; lãi quá hạn 278.520.548 đồng (lãi tạm tính đến ngày 20/08/2020). Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng A tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, quyết định áp dụng lãi suất điều chỉnh vốn lưu động của Công ty TNHH HS. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A, buộc Công ty TNHH HS phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 20/08/2020 tổng số tiền lãi chưa trả là 1.735.164.384 đồng, trong đó lãi trong hạn: 1.456.643.836 đồng; lãi quá hạn 278.520.548 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Ngày 24/04/2018 Ngân hàng A - Chi nhánh H II và ông Phạm Đức C, bà Nguyễn Thị Tuyết M đã ký 02 Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng số công chứng xxxx/Q2.2/2018, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng THL với nội dung: dùng tài sản thế chấp là tài sản quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CA 88xxxx, số vào sổ cấp GCN:CS 1xxxx do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H ngày 28/07/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 0xxx/Q2.2/2018, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại văn phòng Công chứng THL với nội dung: dùng tài sản thế chấp là tài sản quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BD 48xxxx, số vào sổ cấp 1xxx do Ủy ban nhân dân quận LB cấp ngày 01/03/2011 trong việc thực hiện đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH HS theo hợp đồng tín dụng số 1505-LAV-2018xxx ký ngày 24/04/2018 và các phụ lục hợp đồng. Việc thế chấp tài sản có hiệu lực ngày phát sinh nghĩa vụ thế chấp trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với Ngân hàng theo các văn kiện tín dụng. Xét hợp đồng thế chấp có nội dung phù hợp với quy định tại các điều 317,318,319,320,321 của Bộ luật Dân sự 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được Tòa án chấp nhận toàn bộ, căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Tòa án trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 58.650.996 đồng, Công ty TNHH HS phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 117.304.090 đồng.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 317, 318, 319, 320, 321 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

### XỬ

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu Công ty TNHH HS thanh toán số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1505-LAV-20180xxxx và phụ lục hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/PLHD1505LAV20180xxxx; phụ lục hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 02/PLHD1505LAV20180xxxx; Giấy nhận nợ số 1505-LDS-20180xxxx, Giấy nhận nợ số 1505-LDS-20180xxxx. Buộc Công ty TNHH HS thanh toán Ngân hàng A các khoản tiền tính đến ngày 20/08/2020 gồm: nợ gốc là 9.000.000.000 (chín tỷ đồng); tổng số tiền lãi chưa trả là 1.735.164.384 đồng, trong đó lãi trong hạn: 1.456.643.836 đồng; lãi quá hạn 278.520.548 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH HS không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng A buộc ông Phạm Đức C và bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa bàn giao tài sản thế chấp để xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH HS theo Hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng số công chứng 00xxx/Q2.2/2018, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng THL và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 00xxxx/Q2.2/2018, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ký tại văn phòng Công chứng THL.

#### 4. Về án phí:

4.1. Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 58.650.996 đồng theo biên thu số AA/2017/000xxxx ngày 28/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

4.2. Công ty TNHH HS phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 118.735.164 đồng (một trăm mười tám triệu, bảy trăm ba năm nghìn một trăm sáu mươi đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Ngân hàng A, Công ty TNHH HS, ông Phạm Đức C, bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị V, cháu Nguyễn Hưng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- Chi cục thi hành án dân sự quận H
- Đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CHỦ TỌA-THẨM PHÁN**

**PHẠM XUÂN THỦY**